

Điều hành chính sách tỷ giá linh hoạt có điều tiết nhằm kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

LÊ TRANG

Qúa trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đòi hỏi chính sách tỷ giá hối đoái phải liên tục được hoàn thiện, điều chỉnh thích ứng với môi trường trong nước và quốc tế thường xuyên thay đổi. Bài viết đưa ra xu hướng điều hành chính sách tỷ giá trong thời gian tới nhằm kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Qúa trình hội nhập kinh tế quốc tế gắn liền với tự do hóa thương mại là một xu thế tất yếu. Các công cụ truyền thống như hàng rào thuế quan và phi thuế quan sẽ dần được cắt giảm, vì vậy tỷ giá ngày càng được sử dụng như một công cụ chính để điều tiết các quan hệ kinh tế quốc tế. Phạm vi tác động của chính sách tỷ giá gia tăng cùng chiều với mức độ tự do chuyển đổi của đồng bản tệ và mức độ hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia. Tỷ giá không chỉ tác động tới khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất trong nước, qua đó tác động tới trạng thái cán cân thương mại, dự trữ quốc gia, mà còn tác động tới lạm phát và tăng trưởng kinh tế.

Thời gian qua, chính sách tỷ giá hối đoái ở nước ta đã có tác động tích cực trong việc ổn định kinh tế xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của hàng hóa Việt Nam. Tuy nhiên, chính sách tỷ giá hối đoái vẫn bộc lộ nhiều bất cập. Để góp phần kiềm chế lạm phát, thúc đẩy xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế, chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam cần được hoàn thiện theo hướng cơ bản sau:

- **Tiếp tục thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có sự điều tiết của Nhà nước:**

Về cơ bản, có 3 cơ chế tỷ giá: thả nổi, cố định và trung gian. Bản thân mỗi loại hình tỷ giá cũng có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Vì vậy, mỗi loại hình cơ chế tỷ giá phù hợp với từng điều kiện của nền kinh tế. Cụ thể: cơ chế tỷ giá cố định thúc đẩy thương mại và đầu tư thông qua việc làm cho các mức giá cả quốc tế dễ dự đoán hơn, nhưng nhược điểm của cơ chế này là mất quyền tự chủ trong chính sách tiền tệ nhằm đối phó với những biến động trong nước và bên ngoài, đòi hỏi chi phí cơ hội do phải duy trì một lượng dự trữ ngoại hối khá lớn. Trong khi đó, cơ chế tỷ giá thả nổi giúp tự chủ trong chính sách tiền tệ, hạn chế khả năng bị đầu cơ tấn công, hạn chế rủi ro ngoại hối..., nhưng lại có nhược điểm là đánh mất neo danh nghĩa cho chính sách tiền tệ, thị trường sẽ chịu nhiều rủi ro khi tỷ giá có tính linh hoạt cao, khó dự báo mức giá cả quốc tế, không khuyến khích thương mại và đầu tư trong trường hợp khả năng can thiệp điều tiết của cơ quan quản lý tiền tệ yếu kém,... Cơ chế tỷ giá trung gian đã dung hòa được những ưu điểm và nhược điểm của hai cơ chế tỷ giá trên và là sự lựa chọn phổ biến của các quốc gia.

Lê Trang, Ngân hàng Nhà nước.

Cải cách tài chính ở Việt Nam tuy đã đạt được những thành công nhất định, nhưng vẫn chưa theo kịp sự phát triển kinh tế. Hệ thống ngân hàng của Việt Nam trong quá trình đổi mới vẫn còn nhiều yếu kém. Thị trường ngoại hối đang còn trong giai đoạn sơ khai luôn tiềm ẩn nhiều bất ổn do sự tấn công của các lực lượng đầu cơ. Dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước còn thấp, khả năng can thiệp vào thị trường ngoại hối còn hạn chế. Do vậy, trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục thực hiện chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có sự điều tiết của Nhà nước. Điều đó có nghĩa là tỷ giá hối đoái phản ánh đúng quan hệ cung-cầu thị trường nhưng Ngân hàng Nhà nước vẫn can thiệp nhằm hạn chế những biến động quá nhanh, quá mạnh của tỷ giá hối đoái gây rủi ro cho các hoạt động kinh doanh quốc tế. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước có thể chủ động sử dụng chính sách tỷ giá hối đoái để góp phần thực hiện các mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đề ra trong mỗi thời kỳ.

• Tiếp tục điều hành tỷ giá theo hướng linh hoạt, trong đó đồng Việt Nam cần được xác định theo rổ tiền tệ chủ chốt:

Trong thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ quy định tỷ giá bình quân liên ngân hàng, biên độ giao dịch giữa đồng Việt Nam và đôla Mỹ cũng như dùng các biện pháp can thiệp cần thiết để duy trì giá đôla Mỹ ở mức mục tiêu, còn tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác hoàn toàn thả nổi theo quan hệ cung-cầu thị trường. Cơ chế này có ưu điểm là đơn giản và phù hợp với thực tế Việt Nam, vì hầu hết các giao dịch quốc tế của Việt Nam đều tính theo đôla Mỹ. Tuy nhiên, nếu giá đôla Mỹ biến động mạnh trên thị trường tài chính quốc tế như những năm qua, thì tỷ giá song phương giữa đồng Việt Nam và đôla Mỹ sẽ phát tín hiệu sai về năng lực cạnh tranh quốc tế của hàng Việt Nam và do đó chính sách tỷ giá hối đoái có thể đi chệch mục tiêu đã đề ra.

Hiện nay, ngoài đôla Mỹ còn có nhiều loại ngoại tệ có giá trị thanh toán quốc tế như

Euro, Yên Nhật (JPY), Bảng Anh (GBP). Ngoài neo với đôla Mỹ, việc hình thành tỷ giá linh hoạt dựa theo rổ tiền tệ trong đó chú trọng đến Euro, vì Châu Âu là một thị trường lớn và là một đối tác quan trọng của Việt Nam trong lĩnh vực thương mại và đầu tư; bên cạnh đó, chúng ta cũng cần phải tính đến sự biến động tiền tệ ở một số nước có quan hệ thương mại, đầu tư và tài chính lớn với Việt Nam cũng như các nước là đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường quốc tế như Trung Quốc và một số nước trong khu vực.

• Chủ động giảm giá đồng Việt Nam ở mức độ vừa phải:

Sự giảm giá của đồng Việt Nam so với đôla Mỹ sẽ làm cho hàng hóa sản xuất trong nước trở nên rẻ tương đối so với hàng hóa sản xuất ở nước ngoài, làm tăng thu nhập cho các nhà xuất khẩu và giảm sự cạnh tranh của hàng ngoại trên thị trường trong nước. Kết quả là xuất khẩu sẽ được khuyến khích, nhập khẩu các mặt hàng trong nước có thể tự sản xuất được sẽ bị hạn chế, góp phần cải thiện cán cân thương mại và cán cân thanh toán. Mặt khác, sự dịch chuyển cầu từ hàng ngoại sang hàng nội có xu hướng làm tăng tổng cầu, từ đó góp phần tăng trưởng kinh tế, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước ta.

Trong thời gian qua, do tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, thị trường quốc tế biến động mạnh, kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, cộng với những khó khăn từ chính sách thắt chặt tiền tệ, lạm phát cao, Ngân hàng Nhà nước đã có những động thái điều hành chính sách tỷ giá linh hoạt: nới rộng biên độ tỷ giá VND/USD từ $\pm 2\%$ (ngày 27-6-2008) lên $\pm 3\%$ (ngày 7-11-2008), sau đó lên $\pm 5\%$ (ngày 23-3-2009), giảm xuống $\pm 3\%$ (ngày 26-11-2010) và giảm xuống $\pm 1\%$ (ngày 11-2-2011). Đồng thời, điều chỉnh tăng tỷ giá bình quân trên thị trường liên ngân hàng từ 18.544 VND/USD (ngày 11-2-2010) lên 18.932 VND/USD (ngày 18-8-2010) và lên 20.693 VND/USD (ngày 11-2-2011). Tuy nhiên, để đồng Việt Nam giảm

giá mạnh so với đôla Mỹ sẽ tiềm ẩn một số rủi ro đối với nền kinh tế như sau:

Một là, trong bối cảnh các nước bạn hàng của Việt Nam đang lâm vào suy thoái, thì cơ hội mở rộng thị trường cho xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không còn lớn. Mặt khác, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là các sản phẩm thô (dầu thô, gạo, cà phê, cao su...) và hàng gia công (dệt may, điện tử, máy tính)... Sản lượng của các sản phẩm thô phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, nên khó có khả năng tăng thêm sản lượng ngay cả khi giá cả cao hơn. Trong khi đó, hàng gia công lại phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu mà điển hình là ngành dệt may và da giày, nên cũng ít hy vọng sẽ tăng trưởng mạnh khi đồng Việt Nam giảm giá.

Hai là, về phía nhập khẩu, phần lớn hàng nhập khẩu vào Việt Nam là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và phụ tùng mà sản xuất trong nước chưa thể đáp ứng được, do vậy cũng ít nhạy cảm với những biến động của tỷ giá.

Ba là, giảm giá đồng Việt Nam sẽ đẩy lạm phát trong nước lên cao hơn, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3-2011 tăng kỷ lục tới 2,17%, 3 tháng đầu năm 2011 tăng 6,12% đã xấp xỉ mục tiêu lạm phát 7% cả năm 2011 của Chính phủ, trong khi đó tại Kết luận 02-KL/TW ngày 16-3-2011 của Bộ Chính trị, cũng như Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24-2-2011 của Chính phủ đã chỉ rõ những chủ trương, chính sách, giải pháp đồng bộ nhằm kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Ngoài ra, nếu giá đôla Mỹ tăng mạnh thì sẽ làm suy giảm lòng tin của người dân vào giá trị của đồng Việt Nam. Chính vì niềm tin bị giảm sút nên khi giá vàng tăng đẩy giá đôla Mỹ tăng, thì tâm lý đổ xô đi mua những tài sản được định giá bằng đôla Mỹ khiến cho đồng Việt Nam ngày càng bị mất giá, chức năng phương tiện thanh toán và bảo toàn giá trị của đồng Việt Nam sẽ bị xói mòn. Hệ quả là sức mua đối nội và đối ngoại của đồng Việt

Nam sẽ bị đe dọa. Mặt khác, giảm giá đồng nội tệ sẽ khiến nợ nước ngoài gia tăng; các doanh nghiệp đang vay nợ bằng ngoại tệ nếu quá sức chịu đựng thì sẽ bị phá sản. Theo số liệu do Bộ Tài chính công bố, tổng nợ nước của quốc gia của Việt Nam năm 2009 bằng 39% GDP, thuộc diện quốc gia có nợ nước ngoài vừa phải. Mặc dù con số này tuy không lớn, nhưng nếu điều chỉnh giảm giá đồng Việt Nam không phù hợp sẽ có thể gây ra hiệu ứng bất lợi.

Qua phân tích ở trên, Việt Nam không nên phá giá mạnh đồng Việt Nam, mà chủ động giảm đồng Việt Nam ở mức vừa phải nhằm giảm bớt khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu, cũng như các doanh nghiệp cạnh tranh với hàng nhập khẩu, trong khi vẫn góp phần kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội.

Kết luận: trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách tỷ giá hối đoái ở Việt Nam cần được sử dụng trong mối quan hệ với các công cụ tài chính, kinh tế tiền tệ khác để điều tiết các quan hệ quốc tế. Trong thời gian tới, chính sách tỷ giá của Việt Nam cần điều chỉnh linh hoạt theo tín hiệu thị trường, nhưng vẫn cần thiết phải có sự can thiệp của Ngân hàng Nhà nước, nhằm hạn chế những biến động bất lợi của tỷ giá hối đoái. Đồng thời, Ngân hàng có thể chủ động giảm giá đồng Việt Nam ở mức độ hợp lý để có thể vừa hỗ trợ xuất khẩu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mặt khác vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Website Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính.
2. Nguyễn Quang Huy (2010), Kinh nghiệm quốc tế về điều hành tỷ giá và thực tế Việt Nam.
3. Phạm Thị Hoàng Anh (2010), Nhận định về điều hành chính sách tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2010.